

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

“*V/v: Tranh chấp ly hôn và việc
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Minh Tiếp

Ông Nguyễn Quốc Doanh

- Thư ký phiên tòa: Trịnh Thị Phương - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 2000

HKTT, nơi ở: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn:** Anh Chu Văn H, sinh năm: 1997

HKTT, nơi ở: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (con chung của chị L và anh H):
Cháu Chu Bảo T, sinh ngày: 27/01/2022

HKTT, nơi ở: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T: Anh Chu Văn H, chị Nguyễn Thị L - Bố, mẹ đẻ của cháu T.

*** Người làm chứng:**

- Bà Lê Thị S, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Tại phiên tòa: Có mặt chị L; vắng mặt anh H, bà S và bà T1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Chu Văn H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/6/2021. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống bất đồng, anh H không quan tâm chăm lo cho vợ con. Thời gian chị mang thai không đi làm nhưng anh không đưa tiền lương cho chị để lo cuộc sống sinh hoạt, mẹ đẻ chị nhiều lần phải cho tiền hỗ trợ để chị chi tiêu sinh hoạt và chăm sóc thai nhi. Do kinh tế không đảm bảo nên anh chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị để sinh sống và buôn bán nhưng anh H không chịu đi làm, chỉ ở nhà chơi, con còn nhỏ nhưng không phụ chị chăm sóc con, không trông con, mọi gánh nặng kinh tế và chăm sóc con anh đều không quan tâm, san sẻ với chị. Vì vậy anh chị hay cãi nhau to tiếng, anh H còn đánh chị trước mặt mẹ đẻ chị. Ở nhà bố mẹ đẻ chị khoảng 01 tháng thì anh H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh ở. Anh chị ly thân khoảng từ tháng 8, tháng 9 năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H có đến thăm con nhưng không hỗ trợ kinh tế cho mẹ con chị. Anh H muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị chưa chấp nhận thì vào khoảng ngày 20, 21/12/2022 anh H đến nhà bố mẹ đẻ chị, xông vào bếp cầm dao đe dọa, ép chị quay về đoàn tụ. Ngày 24/12/2022 anh H đến cửa hàng chị buôn bán đe dọa nạt, ghi đầu, ghi cổ chị, cố tình tắt điện và khóa cửa không cho ai vào can thiệp để ép chị quay về đoàn tụ. Sau nhiều lần bị anh H đe dọa, vì lo sợ anh tiếp tục có hành vi gây tổn hại tính mạng, sức khỏe của chị nên gia đình chị đến nhà anh H nói chuyện, hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn không quay về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022, cháu ở với chị từ khi anh chị ly thân đến nay. Chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị xác định chị và anh H không có gì chung, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Chu Văn H trình bày:**

Anh và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị L trình bày trên. Anh thừa nhận anh và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau và vì kinh tế gia đình không được như mong muốn. Anh có đi làm nhưng không để ra được đồng nào nên không chăm lo được cho cuộc sống gia đình đầy đủ. Sau khi kết hôn, ở nhà anh được khoảng 01 năm thì anh chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị L để buôn bán, nâng cao thu nhập. Thời gian này anh chưa đi làm, chị L thường xuyên nói anh, vợ chồng hay cãi nhau, anh có đánh chị L trước mặt mẹ đẻ chị. Thời gian này, chị L còn có thái độ không tôn trọng bố mẹ chồng, coi thường nhà chồng nên anh đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 8 năm 2022, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh có đến thăm gặp con và xin chị L rút đơn về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Sau một thời gian dài xảy ra mâu thuẫn, anh và chị L cùng hai bên gia đình đã nhiều lần cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung như chị L trình bày. Anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh, chị là cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022 đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị L được trực tiếp nuôi con chung thì anh đồng ý mức cấp dưỡng hàng tháng cho con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh xác định anh chị không có gì chung, anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Người làm chứng bà Lê Thị S và bà Nguyễn Thị T1 đều trình bày:** Quá trình chung sống, chị L và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau. Anh H không đóng góp về kinh tế cho vợ, chưa quan tâm chăm lo cho gia đình. Anh chị ly thân từ khoảng tháng 8/2022, chị L đưa con chung của anh chị là cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022 về nhà bố mẹ đẻ chị, anh H có đến thăm con nhưng vẫn không hỗ trợ được chị L trong việc nuôi dưỡng con. Anh H muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng đã có suy nghĩ và hành động nông nổi, không đúng nên đã làm mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Việc anh chị xin ly hôn các bà đẻ anh chị tự quyết định.

*** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:** Chị Nguyễn Thị L và anh Chu Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/12/2020. Quá trình chung sống, anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Chị L và cháu T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ khoảng giữa năm 2022 đến nay. Anh chị có 01 con chung là cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022. Về quan hệ hôn nhân và con chung của chị L và anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh, chị là cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh x nuôi con, chị không đồng ý vì trước đó anh H không đi làm, không có thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho con. Từ khi đi làm, anh H cũng chỉ chu cấp cho con được 1 tháng. Từ khi anh chị ly thân đến nay, mẹ con chị ở cùng bố mẹ đẻ chị trên phần nhà đất của bố mẹ đẻ chị, chị mở cửa hàng buôn bán quần áo, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Các vấn đề khác, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị L được ly hôn anh H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Những người làm chứng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Chu Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn số 38, ngày 25/6/2021 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế khó khăn, một mình chị L phải chăm con và lo cho cuộc sống gia đình, anh H không cùng chị gánh vác dẫn đến vợ chồng cãi nhau, xúc phạm nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H đã dùng vũ lực đe dọa, xúc phạm chị L để buộc chị L về đoàn tụ, chị L không đồng ý và mâu thuẫn của anh chị càng thêm trầm trọng, không thể hàn gắn được. Như vậy, có thể xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. *Về việc nuôi con chung*: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022. Chị L và anh H đều muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị L có thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện chăm sóc cháu. Hơn nữa, từ nhỏ cháu trâm đã sống cùng chị L, anh H không tham gia vào việc chăm sóc con nhiều nên cần giao con chung cho chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng mới đảm bảo cuộc sống vật chất, tinh thần của cháu.

[4]. *Về việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh H đồng ý mức cấp dưỡng này nên chấp nhận yêu cầu của chị L và sự tự nguyện của anh H. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[5]. *Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức*: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị L

phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Chu Văn H.

- *Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Chu Bảo T sinh ngày 27/01/2022 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Chu Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức*: Không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đồi trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010845 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị L đã nộp đủ án phí. Anh Chu Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- VKSND huyện Văn Giang
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- UBND xã V, huyện V
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN